**Tiết:28 Văn bản 2: NĂNG LỰC SÁNG TẠO**

*(Trích - Phan Đình Diệu)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- HS hiểu được bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.

- HS nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

**2. Về năng lực**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại văn nghị luận

- Rèn kĩ năng nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lý lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.

- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

**3. Về phẩm chất:** HS nhận thức rõ vai trò của sự sáng tạo, trân trọng sự sáng tạo, có ý thức sáng tạo trong học tập, cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học: GV chiếu một video về sự sáng tạo của con người những năm gần đây.

Huy động kiến thức đã có của HS về cách đặt vấn đề - một bước quan trọng để đọc hiểu văn bản nghị luận *Năng lực sáng tạo,* từ đó xác định các nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung**

**-** GV chiếu một video về sự sáng tạo của con người những năm gần đây, cho hs xem, HS trình bày những hiểu biết của mình về năng lực sáng tạo của con người.

Gần đây, có những thành tựu sáng tạo nổi bật nào của con người mà biết? Điểm chung nhất của những thành tựu đó là gì?

- Vận dụng tri thức đã biết và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề

- Giáo viên khuyến khích Hs nói lên suy nghĩ của mình

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS xem video, nguồn: Facebook <https://fb.watch/tqVQ-JWfA9/>  - Hs HĐ cá nhân.  **\*. Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS Tìm hiểu về những thành tựu sáng tạo nổi bật của con người, hs tìm ra điểm chung của những thành tựu. * **\* Báo cáo thảo luận:** * HS trình bày câu trả lời.   **\* Đánh giá kết quả thực hiện:**  Các HS khác nhận xét  GV Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học. "Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo” không chỉ là động lực mà còn là trụ cột cho phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đó là nhờ: Năng lực sáng tạo | – Phát triển trí tuệ nhân tạo (AI): AI đang được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, giao thông, v.v.  + Một số ví dụ nổi bật là các hệ thống chatbot có thể giao tiếp như con người, các xe tự lái, và các hệ thống chẩn đoán bệnh bằng AI…  Điểm chung nhất của những thành tựu này:  Tất cả đều dựa trên những tiến bộ khoa học và công nghệ.  – Tất cả đều có tiềm năng cải thiện cuộc sống của con người.  – Tất cả đều cho thấy sự sáng tạo không ngừng của con người. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản.**

**a.Mục tiêu**

- Hs nắm được thông tin cơ bản về tác giả Phan Đình Diệu.

- Hs nắm được xuất xứ của văn bản.

**b. Nội dung**

- Hs đọc nội dung tác giả, tác phẩm

- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Gv yêu cầu hs trình bày những thông tin về cuộc đời và đóng góp của tác giả Phan Đình Diệu?**  *+ Trình bày hiểu biết về nguồn gốc của văn bản Năng lực sáng tạo?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh tham khảo sgk, suy nghĩ độc lập  **Bước 3. Báo cáo**  Học sinh chia sẻ phần tìm hiểu tác giả, tác phẩm từ sgk  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ông là nhà toán học xuất sắc, am hiểu nhiều lĩnh vực khoa học, có công đầu trong việc định hướng phát triển ngành Tin học tại Việt Nam.  - Bên cạnh các hoạt động chuyên môn ông còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội với tư tưởng đổi mới, viết nhiều bài báo quan trọng đề cập các vấn đề nóng hổi của đất nước trong thời kì hội nhập, phát triển.  **2. Văn bản *Năng lực sáng tạo***  - Trong cuốn “*Một góc nhìn của trí thức*”, tập bốn, văn bản trên có nhan đề “*Năng lực sáng tạo: làm sao để có?”*  - Năm 2021, văn bản được in lại trong cuốn “*Trên đường đến những chuẩn mực khoa học”* với nhan đề “*Năng lực sáng tạo”.* |

**Nội dung 2: II. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS phân tích được cấu trúc của văn: nhan đề, luận đề, những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả, những thao tác nghị luận, việc phối hợp các thao tác đó; vai trò của năng lực sáng tạo đối với mỗi người và đất nước. Hiểu được tư tưởng của tác giả khi bàn luận về năng lực sáng tạo của con người.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “Tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm đã được giao để hoàn thành nhiệm vụ…

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Gọi khoảng 3 HS lần lượt đọc từng phần của văn bản. GV hướng dẫn cách theo dõi các thẻ chỉ dẫn văn bản trong khi đọc, nhận xét việc đọc của từng HS, gọi một số em nhắc lại cách giải nghĩa các từ ngữ khó trong văn bản.

**Bước 1 - 2 - 3 - 4.** Các nhóm lên trình bày nhiệm vụ theo phân công từ giờ trước.

GV trình bày dự kiến sản phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa nhiệm vụ  Theo bạn, luận đề của văn bản có được thể hiện rõ ở nhan đề không? Nhận xét mức độ phù hợp giữa nội dung của văn bản và nhan đề.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc SGK, làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Vận dụng tri thức Ngữ văn, hiểu khái niệm “luận đề” , hiểu được ý nghĩa của nhan đề, đọc tác phẩm để biết được nội dung văn bản.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đưa nhiệm vụ  Khi bàn về năng lực sáng tạo của con người, tác giả đã triển khai những luận điểm nào? Nêu mối quan hệ giữa các luận điểm đó.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc SGK, làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Luận điểm và mối quan hệ giữa các luận điểm trong văn bản “Năng lực sáng tạo”  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đưa nhiệm vụ  Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và dẫn chứng của tác giả? việc trích dẫn cáccâu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng có phải là cách nêu bằng chứng không? Vì sao?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc SGK, làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đưa nhiệm vụ  Những thao tác lập luận nào được tác giả sử dụng để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Phân tích tác dụng phối hợp của thao tác đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc SGK, làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 5:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đưa nhiệm vụ  Tác giả thể hiện thái độ, tư tưởng gì khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc SGK, làm việc cá nhân để giải quyết vấn đề.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhan đề**  Năng lực sáng tạo là một phẩm chất thiết yếu của con người trong bối cảnh cuộc sống hiện đại.  – Cần có những điều kiện và giải pháp để phát triển năng lực sáng tạo.  \*Mức độ phù hợp:  – Nhan đề “*Năng lực sáng tạo*” khái quát chính xác nội dung chủ đạo của văn bản: Văn bản tập trung làm rõ khái niệm, tầm quan trọng, điều kiện và giải pháp để phát triển năng lực sáng tạo.  \*Nhan đề ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu: Gây ấn tượng, thu hút sự chú ý của người đọc.  – Nhan đề thể hiện tính khái quát cao: Không chỉ giới hạn trong một lĩnh vực cụ thể mà đề cập đến năng lực sáng tạo nói chung.  **2. Cấu trúc nghị luận**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Luận đề Năng lực sáng tạo** | | |  | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **1** | Khó tìm được một định nghĩa rõ ràng nào cho khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo. | * Khái niệm: Khả năng tạo ra cái mới có giá trị.   Biểu hiện: Khả năng tư duy độc lập, tìm ra giải pháp mới, sáng tạo trong công việc và cuộc sống. | | **2** | Mọi người đều tham gia sáng tạo, và mọi người đều có năng lực sáng tạo. | * Đối với cá nhân: Giúp con người phát triển bản thân, thành công trong cuộc sống.   Đối với xã hội: Động lực thúc đẩy sự phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế' và văn hoá. | | **3** | Cái chung nhất của sáng tạo là tìm kiếm những cái mới. | Những sáng tạo lớn và những sáng tạo nhỏ. | | **4** | Sáng tạo là một loại lao động phức tạp và vất vả. | Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức, nó là chìa khóa cho mọi quốc gia phát triển. | | **5** | Sáng tạo cho đến nay vẫn là năng lực riêng có của con người. | Năng lực sáng tạo của dân tộc là tổng hợp năng lực sáng tạo của cá nhân - tổ chức - công nghệ. |   \*Mối quan hệ giữa các luận điểm:  - Luận điểm 1 giải thích năng lực sáng tạo là gì;  - Luận điểm 2 nói về phạm vi của hoạt động sáng tạo;  - Luận điểm 3 bàn về bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo;  - Luận điểm 4 khẳng định vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức;  - Luận điểm 5 khẳng định những điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của con người trong bối cảnh cuộc sống hiện tại.  => Các luận điểm trong văn bản *Năng lực sáng tạo* được triển khai một cách logic, chặt chẽ, có mối quan hệ mật thiết với nhau.  **3. Nghệ thuật lập luận**  Tác giả đã sử dụng lí lẽ và bằng chứng một cách hiệu quả, làm cho bài viết *Năng lực sáng tạo* có tính thuyết phục cao.  - Lí lẽ: sử dụng để làm nổi bật các luận điểm, sắp xếp một cách logic, chặt chẽ (các luận điểm được trình bày theo trật tự, có mối quan hệ mật thiết với nhau); sử dụng nhiều lý lẽ khác nhau (lý lẽ khoa học, lý lẽ thực tiễn, lý lẽ so sánh,...) để làm rõ những luận điểm khác nhau; lý lẽ thuyết phục (mang tính khẳng định, rõ ràng, dễ hiểu,...); hướng tới tính phổ quát trong nhận thức về vấn đề năng lực sáng tạo.  - Bằng chứng: đa dạng, phong phú (ví dụ thực tế, số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia,...); cụ thể, rõ ràng (tính xác thực cao, phù hợp với luận điểm); hiệu quả (bổ sung cho lí lẽ, tăng tính thuyết phục cho bài viết); trích dẫn các câu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng giúp củng cố cho luận điểm, tăng tính thuyết phục cho bài viết; thể hiện sự hiểu biết của tác giả về vấn đề đang bàn.  **4.Sự kết hợp các thao tác nghị luận.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** |  |  | | **1** | Giải thích | Khái niệm “năng lực sáng tạo", tầm quan trọng của năng lực sáng tạo | | **2** | Phân tích | Các biểu hiện của năng lực sáng tạo, điều kiện phát triển năng lực sáng tạo; sự “cộng năng" sức mạnh công nghệ với trí tuệ của từng người để làm nên năng lực sáng tạo chung của dân tộc | | **3** | Chứng minh | Tầm quan trọng của năng lực sáng tạo thông qua dẫn chứng thực tế, ảnh hưởng của năng lực sáng tạo đến sự phát triển của cá nhân và xã hội | | **4** | Bình luận | Vai trò của năng lực sáng tạo trong cuộc sống hiện đại, giải pháp để phát triển năng lực sáng tạo | | **5** | Bác bỏ | Người viết phản bác quan điểm cho rằng, sáng tạo chỉ gắn với hoạt động của các trí thức, từ đó khẳng định, mọi người đều có thể tham gia sáng tạo |   **Tác dụng:**  Tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều thao tác lập luận một cách hiệu quả để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo: làm rõ bản chất sự việc (thao tác giải thích); chia tách các khía cạnh cũng như các biểu hiện của hoạt động sáng tạo (thao tác phân tích) để hiểu sâu hơn về vấn đề; củng cố lý lệ, gia tăng hiệu quả lập luận (thao tác chứng minh); phản bác cách nhìn đơn giản về vấn đề chủ thể sáng tạo (thao tác bác bỏ); đánh giá được vai trò to lớn và sự cần thiết của năng lực sáng tạo (thao tác bình luận). Việc phối hợp các thao tác lập luận giúp bài viết có tính logic, chặt chẽ, thuyết phục và kích thích tư duy của người đọc.  **5. Mục đích, thái độ của người viết**  - Tư tưởng của tác giả khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người: năng lực sáng tạo là phẩm chất thiết yếu, có thể phát triển, cần tạo môi trường khuyến khích sáng tạo, cần được ứng dụng vào thực tiễn và đó là chìa khóa cho tương lai,...  - Bên cạnh những tư tưởng chính trên, tác giả còn thể hiện những quan điểm khác như: năng lực sáng tạo gắn liền với tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, năng lực sáng tạo cần được phát triển ngay từ khi còn nhỏ và mỗi người cần có ý thức rèn luyện năng lực sáng tạo cho bản thân.  Tác giả thể hiện tư tưởng tích cực về năng lực sáng tạo của con người. Có thể khẳng định: khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức - đó là tư tưởng chính được Phan Đình Diệu gửi gắm vào bài viết này. |

Phiếu học tập gv giao cho các em chuẩn bị ở nhà từ tiết học trước

**Nhóm 1. Xác định cấu trúc nghị luận theo gợi ý:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Luận đề** | |
| **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

**Nhóm 2.** Phân tích nghệ thuật lập luận.

**Nhóm 3.** Phân tích sự kết hợp các thao tác nghị luận.

**Nhóm 4.** Xác định được mục đích, quan điểm của người viết.

GV tổ chức cho HS đánh giá và nhận xét theo tiêu chí sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Điểm** | **Tổng** |
| 1 | Nội dung kiến thức theo yêu cầu | 6,0 |  |
| 2 | Hình thức trình bày | 1,0 |
| 3 | Kỹ năng thuyết trình, khả năng tương tác | 2,0 |
| 4 | Giải đáp các thắc mắc | 1,0 |

GV nhận xét và chấm điểm cho các nhóm.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Xác định được ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo.*

**b. Nội dung**: Phát vấn cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1.** GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như mục *Nội dung.*

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3** - **4.** GV tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận và kết luận.

HS thực hiện nhiệm vụ được giao, đọc kỹ văn bản và rút ra ý nghĩa. HS phát biểu, bổ sung, nhận xét. GV kết luận như mục *Sản phẩm*.

Gợi ý: Ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo:*

- Văn bản đã giải thích được năng lực sáng tạo là gì, phạm vi, bản chất, vai trò của năng lực sáng tạo, những điều kiện để’ phát huy năng lực sáng tạo.

- Khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để’ đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức.

-> Văn bản thể hiện sự nghiên cứu công phu, nghiêm túc; các ý kiến, số liệu trích dẫn đáng tin cậy, văn phong khoa học, chuẩn mực, thể hiện cái nhìn bao quát.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Năng lực sáng tạo* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

**b. Nội dung**: Nhiệm vụ về nhà: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

**c. Sản phẩm:** Phần chuẩn bị ở nhà của HS, đoạn văn khoảng 150 chữ xoay quanh ý: Sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

**d.Tổ chức thực hiện***:*

**Bước 1.** GV giao nhiệm vụ như mục *Nội dung.*

**Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. HS có nhiều cách triển khai. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:

- Nội dung: Khẳng định sự sáng tạo giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

+ Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có?

+ Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào?

- Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

**Bước 3 - 4.** GV yêu cầu HS nộp bài tập cho GV, GV chấm ngẫu nhiên 5 sản phẩm và chữa bài vào tiết học tiếp theo.

Đoạn văn tham khảo

*Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đúng vậy, sự sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của mỗi người. Nó giúp chúng ta khám phá tiềm năng bản thân, thể hiện bản sắc riêng và tạo ra những giá trị mới cho thế giới. Sáng tạo có thể được thể hiện qua nhiều cách khác nhau: từ việc sáng tác nghệ thuật, khoa học kỹ thuật đến việc giải quyết những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Khi chúng ta sáng tạo, chúng ta đang sử dụng trí tưởng tượng, tư duy độc lập và khả năng đổi mới để tạo ra những điều mới mẻ. Chúng ta có thể thấy rằng sự sáng tạo mang lại nhiều lợi ích cho mỗi người. Khi sáng tạo, chúng ta học hỏi được nhiều điều mới, rèn luyện tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề Sự sáng tạo tăng cường sự tự tin: Khi thành công trong việc sáng tạo, chúng ta sẽ cảm thấy tự tin hơn vào bản thân và khả năng của mình. Ngoài ra nó còn mang đến niềm vui và sự hài lòng: Sáng tạo giúp chúng ta giải tỏa căng thẳng, thư giãn và tận hưởng cuộc sống. Làm cho cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn: Khi chúng ta sáng tạo, chúng ta đang đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội và để lại dấu ấn của mình trên thế giới. Vì vậy, có thể khẳng định rằng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa. Nó giúp chúng ta phát triển bản thân, mang lại niềm vui và sự hài lòng, và làm cho cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn.*

**4.Củng cố:** GV cho HS hệ thống lại bài học bằng SĐTD + các bước đọc hiểu văn bản nghị luận

**5.HDVN:** Hoàn thành các nhiệm vụ GV giao + chuẩn bị VB3

**Tiết: 29,30**

**VĂN BẢN 3 MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ**

(Trích - Nguyễn Đình Thi)

**I.** **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS có cách hiểu đúng đắn về thể thơ từ đó cần vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm của tác giả thể hiện qua bài viết cũng như cách trình bày quan điểm trong một văn bản nghị luận văn học.

- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lý lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.

**2. Kĩ năng**

- Phát triển kĩ năng đọc hiểu một văn bản nghị luận theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Rèn kĩ năng nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lý lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.

- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ*  và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

**3. Phẩm chất:** Có thái độ trung thực, trách nhiệm, yêu và giữ gìn, phát triển thơ ca Việt Nam

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Ti vi (hoặcmáy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Huy động kiến thứcđã có của HS để phân biệt văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học, từ đó xác địnhcác nhiệm vụ học tập.

**b.Nội dung:** Phát vấn

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của hs

**d.Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ

Phân biệt văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn học

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS tái hiện kiến thức, viết câu trả lời.

GV gọi 2 – 3 HS trả lời.

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- HS chia sẻ quan điểm của mình

- HS theo dõi, nhận xét và phản biện.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp, nhận xét ý kiến của HS, chuẩn kiến thức:

*- Nghị luận xã hội là trao đổi, bàn bạc, bày tỏ ý kiến về các vấn đề xã hội, chính trị, văn hoá đời sống nói chung.*

*- Nghị luận văn học là trao đổi, bàn bạc, bày tỏ ý kiến về các vấn đề văn học.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết được thông tin về tác giả

- Nhận biết được hoàn cảnh ra đời của văn bản.

- Năng lực tự chủ và tự học, ngôn ngữ,..

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận.

- Vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mấy ý nghĩ về thơ*.

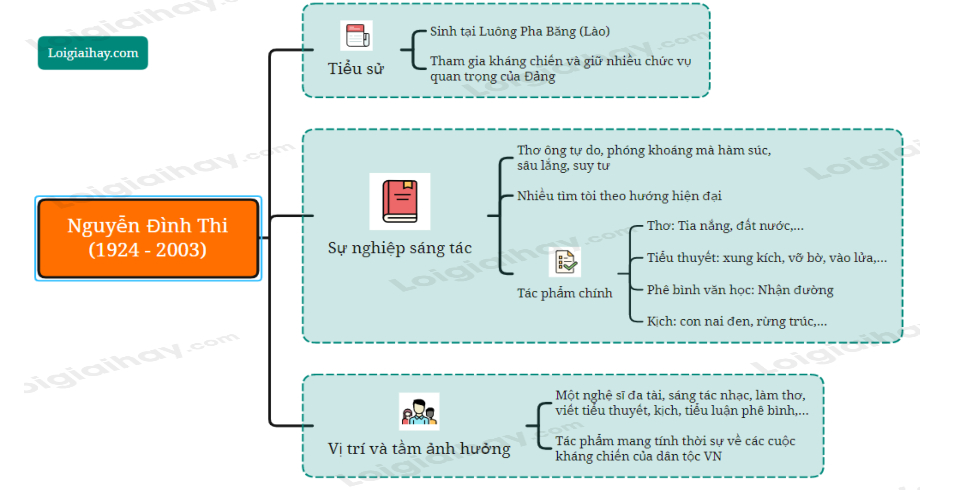
**b. Nội dung:** phát vấn, làm việc nhóm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của hs

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nội dung 1: ĐỌC VĂN BẢN**  **2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** | |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc ở nhà, (*Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để diễn đạt*), khi đến lớp thuyết trình ngắn gọn:  + Cuộc đời và đóng góp của nhà văn  + Tác phẩm: Hoàn cảnh sáng tác và xuất xứ.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS sử dụng SGK, nền tảng công nghệ số hoặc làm sơ đồ tư duy để thực hiện nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - Báo cáo kết quả học tập tại lớp. GV gọi 1-2 em trình bày sản phẩm (*Qua tivi/ máy chiếu/ giấy Ao*).  - GV tổ chức cho HS góp ý, nhận xét và bổ sung để hoàn thiện.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***: GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Là nghệ sĩ đa tài: nhạc sĩ, nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch, nhà phê bình văn học.  - Sáng tác nhiều thể loại, nổi bật nhất là thơ, với những cách tân về hình thức.  - Các tác phẩm chính:sgk  - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật.  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh ra đời**  - Tiểu luận *Mấy ý nghĩ về thơ*: viết trong hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc năm 1949, viết theo phong cách chính luận – trữ tình, nghị luận kết hợp tùy bút, lý luận gắn với thực tiễn. Sau đó in trong tập “ Mấy vấn đề văn học”.  - Mấy ý nghĩ về thơ (Văn nghệ số 10-1949), Nguyễn Đình Thi đưa ra những suy nghĩ táo bạo về thơ, phản ánh tâm trạng và đề xuất ý kiến mạnh mẽ trong bối cảnh nước ta đang khó khăn năm 1949.  **b. Thể loại** **văn nghị luận văn học**  - Nghị luận văn học thuộc thể loại phê bình – lí luận. Tác giả sử dụng lý lẽ để phân tích, chứng minh, so sánh, bình luận về một vấn đề văn chương nhằm làm sáng tỏ điều mình muốn trình bày.  - Văn nghị luận sử dụng mọi cảm xúc như trữ tình, mỉa mai, ca ngợi, đả kích,... nhưng nó không hư cấu. Nghiên cứu của nghị luận văn học tập trung vào tác phẩm, tác giả và hiện tượng văn chương.  - Văn nghị luận thu hút độc giả bằng lối tư duy logic, phong cách hùng biện, từ đôi khi dữ dội, từ đôi khi thiết tha để gây ấn tượng sâu sắc.  **c. Bố cục:** 2 phần  - Đoạn 1: Từ đầu đến "... xung quanh ngọn lửa" → Đặc trưng cơ bản nhất của thơ.  - Đoạn 2: Còn lại → Những đặc điểm khác của thơ. |
| **2.2. Đọc hiểu văn bản** | |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - Văn bản bàn về vấn đề gì?  - Chỉ ra các luận điểm thể hiện quan niệm của tác giả về thơ.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giây để trình bày.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - GV cho HS báo cáo kết quả làm việc cặp đôi để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Sự kết hợp giữa luận đề và luận điểm**  ***- Luận đề***: Văn bản bàn bạc quan niệm về thơ.  **- Hệ thống luận điểm:**  + Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: thể hiện thế giới “bên trong tâm hồn con người”.  + Thơ không biểu đạt bằng ý niệm, bằng luận lí, mà bằng hình ảnh thấm đẫm cảm xúc.  + Chữ và tiếng trong thơ phải có nhịp điệu, nhạc điệu để không chỉ gọi tên sự vật, mà còn gợi ra những ý tứ sâu xa.  + Những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều những võ khí rất mạnh trong tay người làm thơ. |
| **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các nhân vật**  ***Bước 1: Gv giao nhiệm vụ:***  Phân tích cách triển khai một luận điểm tiêu biểu theo gợi ý:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | | | | **Thao tác** | **Thao tác** | **Thao tác** | |  |  |  |   ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  HS phân tích cách triển khai một luận điểm tự chọn Có thể làm theo nhóm bàn.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm.  - HS theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | **2. Nghệ thuật lập luận**  ***\* Thơ không biểu đạt bằng ý niệm, bằng luận lí, mà bằng hình ảnh thấm đẫm cảm xúc.***  ***Câu chủ đề***:*“Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần tuý”.*  - ***Giải thích***:Nói bằng ý niệm thuần tuý là chuyện của triết học, luận lí; thơ nói bằng cảm xúc cho nên có sức mạnh lay động chiều sâu của tâm hồn con người.  ***- Bình luận:***  **+** Cảm xúc của người làm thơ khiến cho hình ảnh trong thơ bao giờ cũng“ mới mẻ, đột ngột lạ lùng” như được “nhìn bằng con mắt của người đầu tiên”.  + Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng.  ***- Chứng minh:***  + Đưa ra một đoạn ca dao làm dẫn chứng, phân tích để thấy sự tác động vào tâm hồn con người thể hiện cụ thể như thế nào.  + Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều có trong đời thực, chúng ta đều thấy. |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  Theo tác giả, điều gì đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo thơ? Tác giả đã dùng những thao tác nghị luận nào để làm sáng tỏ điều đó?  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ.  - Gv hướng HS vào việc tìm hiểu sâu hơn quan điểm của tác giả về bản chất của sáng tạo thơ.  - HS đọc kĩ văn bản để phát hiện những câu có nội dung liên quan đến việc “làm thơ”.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS lên trình bày sản phẩm, cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | **3. Sự kết hợp các thao tác nghị luận**  - Theo tác giả, điều đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo thơ chính là: “Làm thơ, ấy là dùng những lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt”.  - Quan niệm đó đã được tác giả làm sáng tỏ bằng một số thao tác nghị luận:  ***+ Giải thích:*** Giải thích về bản chất của việc làm thơ.  ***+ Chứng minh:*** Hình ảnh “trời xanh”, “mưa phùn” và sự tác động của chúng vào hồn người; đoạn ca dao được dẫn ra để cho thấy thơ tác động đến tâm hồn con người chứ không phải đến nhận thức lí trí.  + ***Bình luận:*** Tư tưởng trong thơ không phải là tư tưởng thuần tuý, mà là “tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống”, “nằm ngay trong cảm xúc, tình tự”.  ***+ Bác bỏ:*** “Thơ không nói bằng ý niệm thuần tuý”, vì “nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí […] chứ không có thơ”,…  🡪 Các thao tác nghị luận đã được tác giả phối hợp nhuần nhuyễn, khiến cho quan điểm về sáng tạo thơ có sức thuyết phục. |
| ***Bước 1: Giao nhiệm vụ***  Hãy trình bày suy nghĩ về quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay”.  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  HS thực hiện nhiệm vụ được giao, đọc kĩ nhận định, nêu ý kiến về quan điểm của tác giả.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm, cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***:  - GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | **4. Mục đích, thái độ của người viết**  Trình bày suy nghĩ về quan điểm: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay”.  - Đây là quan điểm đúng đắn.  - Bởi vì:  + Hình thức thơ ca là phương tiện, không phải mục đích: Thơ ca trước hết là để diễn tả cảm xúc, suy tư của con người.  + Sự đa dạng của hình thức thơ ca: Việc sử dụng đa dạng các hình thức thơ ca sẽ giúp cho thơ ca phong phú và đáp ứng được nhu cầu thể hiện nội dung phong phú của con người.  + Sự phát triển của ngôn ngữ và xã hội: Ngôn ngữ và xã hội luôn thay đổi. Việc bó buộc thơ ca vào những hình thức cũ kĩ sẽ khiến cho thơ ca trở nên lạc hậu và không thể diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay.  + Tuy nhiên, hình thức thơ ca cũng có vai trò quan trọng. Đó là sự sáng tạo của nhà thơ.  🡪 Cần có một cái nhìn khoáng đạt, chấp nhận mọi tìm tòi để cách tân thơ, làm cho thơ luôn luôn mới, phù hợp với xu thế chung của thơ thế giới. |
| **Nội dung 3: Tổng kết** | |
| ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS tổng kết văn bản qua các yêu cầu: Giá trị nội dung; Đặc sắc nghệ thuật  ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS sử dụng giấy A0 để trình bày kết quả làm việc của mình.  ***Bước 3. Báo cáo, thảo luận:***  - HS trình bày. GV và HS theo dõi, góp ý, bổ sung.  ***Bước 4.* *Kết luận, nhận định***:  - GV căn cứ vào Dự kiến sản phẩm để nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. | **III. Tổng kết**  ***1. Giá trị nội dung***  - Quan niệm về thơ của Nguyễn Đình Thi vẫn còn giá trị đến ngày nay vì sự đúng đắn trong nội dung tư tưởng, sự hấp dẫn trong nghệ thuật biểu đạt.  - Tiểu luận vẫn còn giá trị thời sự, tính khoa học đúng đắn, đi vào bản chất của thơ và làm mối quan hệ chặt chẽ của ***thơ với cuộc sống.***  ***2. Giá trị nghệ thuật***  - Văn phong gần gũi, thân tình, chia sẻ tâm huyết, quan niệm và tình cảm chân thành với những người đồng nghiệp về thơ ca.  - Nghệ thuật lập luận hấp dẫn: hệ thống luận điểm chặt chẽ tiến bộ, trải nghiệm sâu sắc, tư duy sắc bén, hình ảnh sống động, từ ngữ sắc sảo, dẫn chứng giàu sức lay động.  - Kết hợp nhuần nhuyễn chính luận và trữ tình, nhiều câu nhiều đoạn mềm mại, giàu chất thơ. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu**  - Xác định được ý nghĩa của văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ.*  - Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.  **b. Nội dung thực hiện:** trả lời câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  **Câu 1.** Nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?  **Câu 2.** Văn bản giúp gì trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  HS thực hiện nhiệm vụ được giao, đọc kĩ văn bản và rút ra ý nghĩa  ***Bước 3: Báo cáo thảo luận***  - HS lên trình bày sản phẩm của mình qua (phiếu học tập, máy chiếu, tivi…) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.  - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, tư vấn và bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | **III. LUYỆN TẬP**  **Câu 1**  Nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay:  Những ý kiến được trình bày trong bài viết như đầu mối của thơ là ở bên trong tâm hồn con người; thơ là tiếng nói của cảm xúc mãnh liệt, tư tưởng của thơ phải nằm trong cảm xúc; hình ảnh có vai trò rất lớn trong việc biểu đạt nội dung cảm xúc thơ; ngôn từ trong thơ cần được lựa chọn kĩ lưỡng, phải có nhịp điệu, giai điệu; thơ có thể có vần hoặc không vần; thơ có thể tìm kiếm mọi hình thức biểu hiện khác nhau;… đều rất thoả đáng, phù hợp với thơ hiện nay.  **Câu 2**  - Một số nét về bản chất của thơ:  + Thơ là tiếng nói của tình cảm, thể hiện những rung động mãnh liệt của chủ thể trước cuộc sống.  + Ý tứ của thơ phải biểu hiện qua những hình ảnh thấm đẫm cảm xúc của chủ thể.  + Ngôn ngữ thơ phải có nhịp điệu, giàu nhạc tính, tác động mạnh vào tâm hồn người đọc.  + Thơ có nhiều hình thức biểu hiện rất phong phú, thơ cách luật hoặc thơ tự do, có vần hoặc không vần,… điều quan trọng là phải diễn tả đúng tâm hồn của con người.   * Một số gợi ý cho việc đọc thơ:   + Đọc thơ cần có những rung cảm thực sự để thâm nhập vào cảm xúc của bài thơ.  + Đọc thơ cần có những kiến thức về đặc trưng ngôn ngữ thơ để hiểu được giá trị biểu đạt của các yếu tố hình thức trong bài thơ. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**  HS vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ* để đọc hiểu và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.  **b. Nội dung thực hiện:** trả lời câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| ***Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.  - Nhiệm vụ về nhà: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của em về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*  ***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS làm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  - HS lên trình bày sản phẩm ở tiết học sau; cả lớp nhận xét và phản biện.  - GV hỗ trợ, tư vấn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***: GV đánh giá, bổ sung kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm. | \* HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:  - Nội dung: Cách hiểu của HS về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*  + Giải thích “Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc” nghĩa là gì.  + Tại sao “Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc”?  + Lấy dẫn chứng trong văn bản làm sáng tỏ ý kiến.  - Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ. |

**Phụ lục: Sơ đồ thông tin về tác giả**



**4. Củng cố:** GV cho HS hệ thống lại bài học bằng SĐTD + các bước đọc hiểu văn bản nghị luận

**5. HDVN:** Hoàn thành các nhiệm vụ GV giao + chuẩn bị phần Thực hành tiếng Việt